

Số: 78 /QĐ-UBND

Cát Hải, ngày 21 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg, ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP, ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ hồ sơ đánh giá tiếp cận pháp luật của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện Cát Hải;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận các xã, thị trấn (có danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021.

**Điều 2.** Giao Phòng Văn hóa-Thông tin-Thể thao và Du lịch huyện chịu trách nhiệm đăng tải danh sách các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 trên Cổng thông tin điện tử của huyện trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có tên trong danh sách ghi tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng VH-TT-TT&DL;
- C, PCVP HĐND và UBND huyện;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TP.



**CHỦ TỊCH**

**Bùi Tuấn Mạnh**

**DANH SÁCH CÁC XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**  
(Kèm theo Quyết định số: 78 /QĐ-UBND ngày 21 /01/2022  
của Chủ tịch UBND huyện Cát Hải)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Loại I</b>							
1	TT Cát Hải	99,30	14,85	29,85	24,9	9,7	20,00	100
2	Xã Xuân Đám	98,86	14,85	29,83	24,50	9,70	20,00	100
3	Xã Nghĩa Lộ	98,50	14,40	29,90	24,50	9,70	20,00	100
4	Xã Văn Phong	98,06	14,38	29,38	24,6	9,70	20,00	100
5	Xã Hoàng Châu	97,94	13,96	29,83	24,45	9,70	20,00	95
6	TT Cát Bà	97,91	14,08	29,88	24,25	9,70	20,00	100
7	Xã Đồng Bài	97,72	14,39	29,48	24,15	9,70	20,00	100
8	Xã Việt Hải	97,69	14,84	29,65	23,5	9,70	20,00	100
9	Xã Phù Long	97,28	14,88	29,60	23,20	9,60	20,00	100
10	Xã Hiền Hào	97,07	14,10	29,72	23,55	9,70	20,00	100
11	Xã Gia Luận	95,90	12,66	30,00	23,60	9,60	20,00	100

